

Bản án số: 28/2022/KDTM-ST

Ngày: 16-5-2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Thái Thực Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 1 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2021/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP HHVN .

Địa chỉ: NC T, phường LT, quận Đ Đ, Thành phố H N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trọng T, sinh năm 1991 và ông Ngô Văn Hoàng T, sinh năm 1998 (có mặt)

Giấy theo giấy ủy quyền số 205/2022/UQ-TGD912 của Ngân hàng TMCP HHVN .

Bị đơn: Công ty TNHH Cơ khí Ô tô P G.

Địa chỉ: PTH, Phường I, Quận U, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Trường H.(vắng mặt)

Địa chỉ: TKC, phường TĐ, Quận O, Tp. HCM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Trường S, Sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Chung cư ĐĐ, Phường O, Quận R, Tp. HCM.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Chung cư DD, Phường P, Quận E, Tp. HCM.

Đại diện theo ủy quyền của bà Tú: ông Bùi Thới V, sinh năm 1977- Giấy ủy quyền số 00273 ngày 12/01/2022 của Văn phòng công chứng Quận 8. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/5/2012 Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh nay là Ngân hàng TMCP HHVN (viết tắt: Ngân Hàng MSB) ký với Công ty TNHH Cơ khí ô tô PG (viết tắt là Công ty PG) hợp đồng tín dụng số TG0106/HĐTD.TDH-MD. Nội dung cơ bản của hợp đồng như sau: Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh cho Công ty PG vay số tiền 2.500.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn: Đầu tư xây dựng nhà trung bày; phương thức giải ngân: Giải ngân một lần; thời hạn vay: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay: lãi suất cho vay tháng đầu tiên là 19%/năm tính trên dư nợ thực tế, các tháng còn lại áp dụng lãi suất cho vay theo thông báo của ngân hàng; Lãi suất quá hạn: bằng 150%/ lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; kì hạn trả gốc, lãi: trả phân kì.

Nhằm đảm bảo cho việc thanh toán nợ, Công ty PG đã thế chấp tài sản bảo đảm cho việc thanh toán các khoản vay như sau:

- Căn hộ chung cư tọa lạc tại số 4.03 Lô H, Chung cư Đồng Điều, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 0377/SXD do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2003. Thuộc thửa số 354-247, tờ bản đồ số 2 (BĐDC 02/CT-UB) diện tích 1.440m². Kết cấu nhà: tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT. Số tầng: 6+ lửng, tầng số 5. Theo hợp đồng thế chấp tài sản (của bên thứ 3) số: TG0106/HĐTC/BĐ ngày 07/05/2012.

- Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TG0107/HĐTC/BĐ ngày 08/5/2012.

Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số TG0106/HĐTD.TDH-MDB, Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đã giải ngân cho Công ty PG số tiền 2.500.000.000 đồng theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty PG đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Công ty PG đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết. Do đó, khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ 30/12/2015. Ngân hàng đã tạo điều kiện để Công ty PG trả nợ, nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 16/5/2022, Công ty PG còn nợ Ngân hàng MSB số tiền là: 8.180.893.967 đồng, trong đó: nợ gốc: 2.206.579.627 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.982.876.227 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.991.438.113 đồng

Nay Ngân hàng TMCP HHVN yêu cầu:

- Công ty TNHH Cơ khí ô tô PG phải trả cho Ngân hàng TMCP HHVN toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 16/5/2022 số tiền là: 8.180.893.967 đồng, trong đó: nợ gốc: 2.206.579.627 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.982.876.227 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.991.438.113 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG không trả được nợ, hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng MSB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho MSB.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty PG đối với MSB. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho MSB.

Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông S thừa nhận việc dùng căn hộ chung cư tọa lạc tại số 4.03 Lô H, Chung cư Đồng Điều, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 0377/SXD do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2003. Thuộc thửa số 354-247, tờ bản đồ số 2 (BĐĐC 02/CT-UB) diện tích 1.440m². Kết cấu nhà: tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT. Số tầng: 6+ lửng, tầng số 5. Theo hợp đồng thế chấp tài sản (của bên thứ 3) số: TG0106/HĐTC/BĐ ngày 07/05/2012 để đảm bảo cho việc trả nợ cho bị đơn. Ông S cho rằng ông đã tìm ngân hàng vào năm 2013 để thanh toán nợ nhưng không tìm được Ngân hàng TMCP phát triển Mê Kông. Nay ông S đề nghị ngân hàng có chính sách giảm lãi suất để ông có điều kiện thanh toán nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng, việc khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn trụ sở tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Hợp đồng tín dụng số TG0106/HĐTD.TDH-MD ngày 08/5/2012, giải ngân bằng khế ước nhận nợ có nội dung cơ bản: Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng MSB) cho Công ty PG vay số tiền 2.500.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn: Đầu tư xây dựng nhà trung bày; phương thức giải ngân: Giải ngân một lần; thời hạn vay: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay: lãi suất cho vay tháng đầu tiên là 19%/năm tính trên dư nợ thực tế, các tháng còn lại áp dụng lãi suất cho vay theo thông báo của ngân hàng; Lãi suất quá hạn: bằng 150%/ lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; kì hạn trả gốc, lãi: trả phân kì.

[4] Các đương sự tự thỏa thuận các nội dung của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TG0106/HĐTD.TDH-MD ngày 08/5/2012 về việc vay tiền và lãi suất trong hạn là đúng theo quy định tại Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, lãi suất quá hạn đúng theo quy định tại điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[5] Ngân hàng MSB và Công ty PG thỏa thuận thế chấp các tài sản để đảm bảo thanh toán khoản vay gồm:

- Căn hộ chung cư tọa lạc tại số 4.03 Lô H, Chung cư Đồng Điều, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 0377/SXD do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2003. Thuộc thửa số 354-247, tờ bản đồ số 2 (BĐĐC 02/CT-UB) diện tích 1.440m². Kết cấu nhà: tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT. Số tầng: 6+ lửng, tầng số 5. Theo hợp đồng thế chấp tài sản (của bên thứ 3) số: TG0106/HĐTC/BĐ ngày 07/05/2012.

- Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TG0107/HĐTC/BĐ ngày 08/5/2012.

[6] Việc Công ty PG thế chấp tài sản để bảo đảm việc trả nợ vay ngân hàng phù hợp quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, việc đăng ký tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thực hiện đúng theo thủ tục quy định tại Thông tư số liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư Pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[7] Thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng Ngân hàng MSB đã giải ngân số tiền là 2.500.000.000 đồng thể hiện tại khế ước nhận nợ, Công ty PG thừa nhận đã nhận đủ số tiền. Như vậy, Ngân hàng MSB đã thực hiện đúng như thỏa thuận tại Điều 1, Điều 2 của hai Hợp đồng tín dụng số của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TG0106/HĐTD.TDH-MD ngày 08/5/2012 về việc cấp hạn mức tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty PG vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điểm 4 của hợp đồng tín dụng. Vì thế ngày 30/12/2015, Ngân hàng MSB đã chuyển toàn bộ hợp đồng thành quá hạn theo Khế ước nhận nợ nêu trên của Công ty PG tại Ngân hàng MSB.

Do đó Ngân hàng Hàng Hải khởi kiện yêu cầu Công ty PG thanh toán số tiền tính đến ngày 16/5/2022, Công ty PG còn nợ MSB tổng số tiền tổng số tiền là: 8.180.893.967 đồng, trong đó: nợ gốc: 2.206.579.627 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.982.876.227 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.991.438.113 đồng ngay khi bản án có hiệu lực và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số NTU.DN.94.061217 ngày 12/12/2017 và NTU.DN.197.180418 ngày 24/4/2018 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ngân hàng MSB đề nghị phát mãi các tài sản thế chấp gồm: Căn hộ chung cư tọa lạc tại số 4.03 Lô H, Chung cư Đồng Điều, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 0377/SXD do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2003. Thuộc thửa số 354-247, tờ bản đồ số 2 (BĐĐC 02/CT-UB) diện tích 1.440m². Kết cấu nhà: tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT. Số tầng: 6+ lửng, tầng số 5. Theo hợp đồng thế chấp tài sản (của bên thứ 3) số: TG0106/HĐTC/BĐ ngày 07/05/2012. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TG0107/HĐTC/BĐ ngày 08/5/2012 để thi hành án nếu Công ty PG không có khả năng thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 5 của hai hợp đồng thế chấp tài sản là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Việc ông S cho rằng ông đã tìm đến Ngân hàng thương mại cổ phần Mê Kông

vào năm 2013 để thanh toán nợ cho Công ty ô tô PG nhưng không tìm thấy ngân hàng là không có cơ sở vì theo Quyết định 1391/QĐ-NHNN ngày 21/7/2015 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP phát triển Mê Kông vào Ngân hàng TMCP HHVN có hiệu lực vào ngày 12/8/2015. Căn cứ vào điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, ông S phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, đề nghị giảm tiền lãi phải thanh toán cho ngân hàng của ông S không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 4, Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL công bố ngày 17/10/2016;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN .

1.1. Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN số tiền tính đến ngày 16/5/2022 là: 8.180.893.967 (tám tỷ một trăm tám mươi triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc: 2.206.579.627 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.982.876.227 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.991.438.113 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN thì lãi suất mà Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Ngay khi Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG thanh toán dứt nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN phải làm thủ tục giải chấp các tài sản đã thế chấp Theo hợp đồng thế chấp tài sản (của bên thứ 3) số: TG0106/HĐTC/BĐ ngày 07/05/2012 và hợp đồng thế chấp số TG0107/HĐTC/BĐ ngày 08/5/2012.

1.4 Trường hợp Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG không thực hiện việc trả nợ thì Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG, ông Phạm Trường S và bà Nguyễn Thị Ngọc Tú có trách nhiệm giao tài sản cho Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN để Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ gồm:

- Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TG0107/HĐTC/BĐ ngày 08/5/2012.

- Căn hộ chung cư tọa lạc tại số 4.03 Lô H, Chung cư Đồng Điều, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 0377/SXD do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2003. Thuộc thửa số 354-247, tờ bản đồ số 2 (BĐĐC 02/CT-UB) diện tích 1.440m². Kết cấu nhà: tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT. Số tầng: 6+ lửng, tầng số 5. Theo hợp đồng thế chấp tài sản (của bên thứ 3) số: TG0106/HĐTC/BĐ ngày 07/05/2012.

1.5 Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty PG đối với MSB. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MSB.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1 Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí 57.248.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012856 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 được hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần HHVN.

2.2 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 116.180.893 đồng. Công ty TNHH Cơ khí Ô tô PG phải nộp án phí số tiền 116.180.893 (Một trăm mười sáu triệu một trăm tám mươi nghìn tám trăm chín mươi ba) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

Lê Văn Giàu

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

Lê Văn Giàu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

Lê Văn Giàu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA

dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi:

“Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định

tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

